

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc,
huyện Vĩnh Lộc của Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 9364/STNMT-BVMT ngày 09/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1499/Tr-STNMT ngày 09/11/2023; Công văn số 10620/STNMT-BVMT ngày 14/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc (sau đây gọi là Dự án) của Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc của Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần thực hiện tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc, Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND TT Vĩnh Lộc (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc,
huyện Vĩnh Lộc của Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Tổng công ty đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần.
- + Đại diện: (Ông) Đặng Văn Biên. Chức vụ: Tổng giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Cụm công nghiệp Vĩnh Minh, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. *Phạm vi dự án:* Khu đất lập dự án đầu tư có diện tích 14.388,9 m², thuộc địa giới hành chính thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Tây Bắc giáp đường giao thông;
- Phía Đông Bắc giáp đường giao thông;
- Phía Tây Nam giáp khu dân cư;
- Phía Đông Nam giáp đường giao thông.

b. *Quy mô, công suất dự án:*

- Dự án Trung tâm dịch vụ du lịch và thương mại tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc với tổng diện tích 14.388,9 m²; bao gồm các hạng mục: Khu hội nghị và nhà hàng 3 tầng (khoảng 472 m²); khu khách sạn và lưu trú 3 tầng (392 m²); khu vui chơi ngoài trời (1.000 m²); Khu bán đồ lưu niệm và thương mại 3 tầng (khoảng 2.724 m²); bãi đỗ xe ngoài trời (600 m²), khu trung tâm thương mại và siêu thị 1 tầng (1.387m²); Khu văn phòng và nhà thương mại 3 tầng (991m²); Nhà để máy phát điện (17m²) và các công trình hạ tầng, kỹ thuật phụ trợ.

- Quy mô sức chứa: 30 người lưu trú tại khu vực khách sạn, phục vụ tối đa 480 suất ăn/lượt (3 lượt ăn/ngày) tại khu vực hội nghị nhà hàng phục vụ ăn uống và nhân viên làm việc tại dự án, khách vắng lai đến mua sắm, sử dụng các dịch vụ thương mại, thăm quan tại dự án...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. *Khách sạn, lưu trú:* Diện tích xây dựng 392m², công trình cao 3 tầng, chiều cao mỗi tầng 3,3m; chiều cao mái 1,6m; chiều cao nhà 10,35m; bao gồm các khu chức năng: Sảnh đón tiếp, lễ tân, phòng trực, khu vệ sinh, thang bộ, thang máy, khu dịch vụ phụ trợ, các phòng nghỉ đơn và phòng nghỉ đôi, khu vực ăn uống của du khách.

b. Nhà bán đồ lưu niệm và thương mại (2 khu):

- Diện tích xây dựng khu số 1: 1.723m^2 , công trình cao 3 tầng, chiều cao mỗi tầng 3,3m; chiều cao mái 1,6m; chiều cao nhà 10,35m, bao gồm các khu chức năng: Không gian hoạt động mua sắm, quầy hàng, kinh doanh, khu kỹ thuật và khu vệ sinh, 3 thang bộ, 2 thang máy.

- Diện tích xây dựng khu số 2: 1.001m^2 , công trình cao 3 tầng, chiều cao mỗi tầng 3,3m; chiều cao mái 1,6m; chiều cao nhà 10,35m, bao gồm các khu chức năng: Không gian hoạt động mua sắm, quầy hàng, kinh doanh, khu kỹ thuật và khu vệ sinh, 3 thang bộ, 2 thang máy.

c. Trung tâm thương mại, siêu thị: Diện tích xây dựng 1.387m^2 , công trình cao 1 tầng. Chiều cao 8 m, bố trí không gian hoạt động mua sắm, quầy hàng, kinh doanh, kiot cho thuê, khu kỹ thuật, khu vệ sinh, không gian vui chơi trẻ em.

d. Khu văn phòng, nhà thương mại: Diện tích xây dựng 991m^2 , công trình cao 3 tầng, chiều cao mỗi tầng 3,3m; chiều cao mái 1,6m; chiều cao nhà 10,35m, bao gồm các khu chức năng: Không gian hoạt động mua sắm, quầy hàng, kinh doanh, 2 thang máy, 2 thang bộ, khu kỹ thuật và khu vệ sinh.

e. Các hạng mục phụ trợ: Khu vui chơi ngoài trời, bãi để xe ngoài trời, trạm biến áp, nhà để máy phát điện, bể XLNT, bể nước PCCC, khu tập kết CTR, CTNH;

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ với diện tích khoảng $11.236,50\text{m}^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công:

- Giải phóng mặt bằng khu vực dự án.
- Thi công san nền khu vực dự án.

- Thi công các hạng mục công trình: Khu hội nghị và nhà hàng 3 tầng (khoảng 472m^2); khu khách sạn và lưu trú 3 tầng (392m^2); khu vui chơi ngoài trời (1.000m^2); Khu bán đồ lưu niệm và thương mại 3 tầng (khoảng 2.724m^2); bãi để xe ngoài trời (600m^2), khu trung tâm thương mại và siêu thị 1 tầng (1.387m^2); Khu văn phòng và nhà thương mại 3 tầng (991m^2); Nhà để máy phát điện (17m^2) và các công trình hạ tầng, kỹ thuật phụ trợ.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành:

- Hoạt động nghỉ dưỡng, ăn uống, vui chơi, mua sắm... tại khu vực dự án.
- Hoạt động xe ra vào dự án.
- Hoạt động vệ sinh môi trường khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nước thải, bụi, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,3 m³/ngày (nước thải vệ sinh là 2,15 m³/ngày, nước thải rửa tay chân là 2,15 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: Chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli).

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 860l/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂, VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công công gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂, VOC.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 26,5 kg/ngày, chủ yếu là chất hữu cơ, giấy, bìa cát tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật khoảng 42,0 tấn.

- Khối lượng các chất thải khác như: đất, đá, cát, xi măng rơi vãi khoảng 109,2 tấn.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng khoảng 0,74 tấn.

- Khối lượng đất bóc phong hóa san nền khoảng 1.438,9 m³.

- Khối lượng đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng khoảng 454,44m³.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn, chai thủy tinh... khối lượng khoảng 54,6 kg/cả quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh không nhiều, do chủ yếu máy móc thiết bị thay dầu tại cơ sở gara sửa chữa ô tô, xe máy.

3.1.3. Các tác động khác:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- Chiếm dụng diện tích đất nông nghiệp, giao thông. Việc thu hồi đất trên ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất nông nghiệp (chủ yếu là đất trồng lúa 2 vụ), đất canh tác.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; Rủi ro, sự cố tai nạn lao động; Rủi ro, sự cố cháy nổ; Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm; Rủi ro, sự cố do dịch bệnh.

3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 132,48 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động dự án là 50,45m³ bao gồm: Nước thải vệ sinh có lưu lượng 23,5 m³/ngày; nước thải nhà tắm giặt có lưu lượng 24,1 m³/ngày và nước thải nấu nướng ăn uống có lưu lượng 2,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli).

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên, khách vãng lai; khí thải từ hoạt động nấu ăn, mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào hoạt động ổn định là: 220kg/ngày. Thành phần của các nguồn thải trên chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì bánh kẹo...

- Chất thải rắn công cộng, nạo vét hệ thống thoát nước, cảnh quan bao gồm lá cây, đất, cát... có khối lượng khoảng 120 kg/lần nạo vét/3 tháng.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 4,08 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm: Dầu nhớt thải, bao bì mềm thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng kim loại, pin, ắc quy, chì thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng cần che chắn bằng bạt hạn chế lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần diện tích mặt nước trong khu vực dự án, mương thoát nước phía Tây Nam dự án, đồng thời quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Thi công hoàn thiện hạ tầng mương thoát nước nội bộ quanh khu vực dự án trước khi tiến hành thi công xây dựng các công trình dự án.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm để lắng loại bỏ bùn đất, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Tạo các rãnh thoát nước mưa và hố thu gom nước tạm thời để thu gom triệt để nước bề mặt phát sinh từ công trình xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân được thu gom qua 01 hố thu gom của 01 trạm rửa xe bố trí tại khu lán trại (dung tích bể xây dựng 3,0 m x 2 m x 1,5 m) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận là mương thoát chung khu vực phía Đông Nam dự án.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động 2 buồng để đảm bảo sinh hoạt của công nhân. Mỗi nhà vệ sinh di động có các thông số kỹ thuật như sau: Kích thước phủ bì: (Cx R x S) cm = (260 x 90 x 135)cm; Kích thước lọt lòng mỗi buồng: (Cx R x S) cm = (200 x 85 x 100) cm; Định kỳ 2 ngày 1 lần thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công khoảng 4,5 m³/ngày được thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm kích thước 3,0m x 2m x 1,5 m, dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm, sau đó thải ra mương hiện trạng của khu vực phía Đông Nam dự án.

4.1.2. Bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính,... theo quy định (số lượng 200 bộ).

- Lắp dựng rào tôn dài 492m vây quanh toàn bộ khu vực diễn ra hoạt động thi công của dự án rào tôn có chiều cao 2,5m.

- Tại khu vực thi công sử dụng máy bơm nước có công suất 75w, ống dẫn nước mềm có chiều dài 200m để tưới nước giảm thiểu bụi trong khi thi công.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn thi công không đốt tại khu vực dự án. Không thải phế thải, chất thải không đúng nơi quy định trong và ngoài phạm vi dự án.

- Đảm bảo tất cả các xe vận tải đưa vào sử dụng đạt quy định của cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Bảo dưỡng định kỳ phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển với tần suất 3 tháng/lần.

- Các bãi tập kết nguyên vật liệu sẽ được tiến hành che phủ bạt khi cần thiết.

4.1.3. Chất thải rắn thông thường:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn: Rác thải sinh hoạt có thể tái chế và rác thải sinh hoạt không tái chế.

- Chất thải rắn sinh hoạt không thể tái chế thu gom riêng vào các thùng 100 lít (01 thùng), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 01 lần/ngày; chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 100 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

b. Chất thải rắn xây dựng:

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật sẽ được thu gom và hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đất dư thừa từ quá trình bóc phong hóa nền được tận dụng để tôn nền khuôn viên cây xanh khu vực dự án, vườn ươm tại dự án và đổ đất vào các ô bồn trồng cây xanh tại dự án.

- Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng được tận dụng để đầm nền giao thông và tôn nền bên trong các lô đất khu vực dự án.

- Chất thải rắn xây dựng từ các nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng: 0,74 tấn tận dụng làm phế liệu, phần thừa còn lại là các thành phần như ván gỗ sẽ thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định. Các vật liệu rơi vãi trên công trường như đất, đá, cát, xi măng 109,94 tấn, được công nhân thi công sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong công trình khu vực dự án.

4.1.4. Chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 02 thùng chứa chất thải rắn nguy hại tính chất khác nhau có thể tích 100 lít/thùng để chứa và lưu giữ tạm thời trong nhà kho diện tích khoảng 10m² góc lán trại trước khi chuyển cho đơn vị chức năng đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 02 thùng phi (dung tích 50lit/thùng) đặt tại khu vực lán trại, thùng có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo đúng quy định tại khu vực bảo dưỡng sau đó kết thúc hoạt động thi công dự án sẽ được đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, tài sản trên đất, đất lúa 02 vụ theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- Phạm vi dự án yêu cầu chủ dự án phải làm hoàn chỉnh hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang đất phi nông nghiệp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4.1.5.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:

- Sự cố tai nạn lao động: Đơn vị thi công phổ biến nội quy an toàn lao động, hướng dẫn vận hành thiết bị cho công nhân trước khi thi công. Trang bị tủ thuốc cấp cứu tại lán trại trên công trường để ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Đặt khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyển phù hợp với hiện trạng các công trình.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải:

a. Nước mưa chảy tràn:

- Toàn bộ nước mưa được thu gom vào hệ thống các tuyến rãnh xây B300, H300 với tổng chiều dài 427,62m kết hợp cống tròn D300-D600 dài 71,8m bố trí ngầm dọc các tuyến giao thông nội bộ sau khi thu gom vào các tuyến cống BTCT đúc sẵn chạy xung quanh các công trình sẽ dẫn về tuyến cống gom D600 phía Đông dự án để thoát ra tuyến mương hiện trạng phía Đông Nam dự án.

- Các giếng thu nước đặt dọc lề đường với khoảng cách trong khoảng từ (25-35) m. Khoảng cách các giếng thu được thiết kế nhằm giới hạn độ sâu dòng chảy 120mm và độ rộng dòng chảy 1,2m.

b. Nước thải sinh hoạt:

- *Nước thải nhà tắm, rửa tay, giặt:* Sau khi được tách rác thô bằng dụng cụ tách rác có sẵn tại vị trí bồn rửa mặt, nhà tắm. Sau đó nước thải sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- *Nước thải nhà vệ sinh:* Dẫn theo đường ống nhựa PVCΦ110 tới bể tự hoại đặt ngầm dưới các nhà vệ sinh của các công trình tương ứng để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Số lượng bể tự hoại là 12 bể; trong đó, nhà hội nghị - nhà hàng: 2 bể, mỗi bể 18m³; khách sạn lưu trú: 2 bể, mỗi bể 3,5m³; nhà bán đồ lưu niệm số 1: 2 bể, mỗi bể 17m³; nhà bán đồ lưu niệm số 2: 2 bể, mỗi bể 12 m³; trung tâm thương mại - siêu thị: 2 bể, mỗi bể 6,5 m³, nhà văn phòng và thương mại: 2 bể, mỗi bể 13,5m³.

- *Nước thải nhà bếp, ăn uống*: Trang bị 02 bể tách dầu mỡ cho các khu vực nấu ăn tại hạng mục nhà hội nghị - nhà hàng (01 bể 3m^3) và khách sạn lưu trú (01 bể 01m^3) để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- *Hệ thống xử lý tập trung*: Thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm chia thành 2 đơn nguyên làm việc song song để phòng khi có sự cố xảy ra.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung bố trí tại góc hạ tầng kỹ thuật phía Đông Nam dự án. Nước thải sau khi khử trùng có nồng độ các chất ô nhiễm và chỉ tiêu vi sinh vật đều nằm trong giới hạn cho phép quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột B và thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực dọc tuyến đường 217 khu vực dự án (tọa độ điểm xả: $X = 2219650$; $Y = 564521$), sau đó dẫn ra sông Bưởi.

4.2.2. Về bụi, khí thải

- Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu sân bãi và vỉa hè trong phạm vi của dự án.

- Tiến hành phun tưới nước làm ẩm mặt đường, vỉa hè khu dự án trong những ngày hanh nóng, tần suất phun 4 lần/ngày.

- Bố trí và đảm bảo khuôn viên cây xanh $1.892,4\text{ m}^2$, công viên cây xanh.

- Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước.

- Đối với khu vực nhà bếp tại khu nhà hàng, trang bị 02 hệ thống hút mùi (bếp tầng 1 được trang bị hút mùi) tại khu vực bếp; số lượng chụp hút: 02 cái.

- Thu gom thức ăn dư thừa, dọn vệ sinh, lau chùi sàn nhà ăn sau khi khách sử dụng bằng nước rửa có mùi hương.

4.2.3. Chất thải rắn thông thường, CTNH:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do CTR thông thường:

- Phân loại ngay tại nguồn và lưu giữ các thùng chứa với tính chất CTR khác nhau để thu gom tập trung về trạm trung chuyển tại dự án sau đó đưa đi để xử lý.

- Tại các khu vực khách sạn lưu trú lưu trú: Trang bị 45 thùng loại 5lit/thùng tại các vị trí phát sinh nhiều chất thải rắn như nhà vệ sinh, phòng khách, phòng nghỉ; 9 thùng dung tích 100l/thùng với màu sắc khác nhau: Thùng màu xanh để đựng CTR thực phẩm, thùng màu cam đựng CTR khó phân hủy tại hành lang.

- Khu nhà hội nghị - nhà hàng: Trang bị 20 thùng loại 5lit/thùng tại khu vực các bàn ăn; Khu vực bếp nấu nhà hàng bố trí 1 thùng đựng rác 100 lit để chứa thức ăn thừa; hành lang từng tầng trang bị 3 thùng đựng rác dung tích 100l/thùng số lượng 9 thùng.

- Nhà bán đồ lưu niệm (2 nhà): Trang bị 18 thùng đựng rác đạp chân có nắp loại 5lit/thùng tại các vị trí phát sinh nhiều chất thải rắn như nhà vệ sinh, khu vực trưng bày; hành lang tầng trang bị 9 thùng đựng rác dung tích

100l/thùng.

- Nhà văn phòng thương mại: Tại các vị trí lề tân, khách chờ bố trí 9 thùng (5l/thùng); hành lang tầng trang bị 9 thùng đựng rác dung tích 100l/thùng;

- Trung tâm thương mại - Siêu thị: Tại hành lang siêu thị bố trí 3 thùng đựng rác dung tích 50l/thùng. Tại khu vực nhà vệ sinh và quầy thu ngân bố trí 5 thùng đựng rác dung tích 5l/thùng.

- Chủ đầu tư sẽ đầu tư xây dựng khu tập kết CTR: Bố trí tại khu vực HTKT phía Đông Nam dự án, nhà tập kết có diện tích 15m², cuối ngày đội vệ sinh môi trường dự án sẽ đưa về khu tập kết CTR tại khu vực dự án.

Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị môi trường khu vực có chức năng cuối ngày tới thu gom rác thải tại dự án khung giờ cố định.

- Chất thải rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường: Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị chức năng định kỳ tới nạo vét thường xuyên, hạn chế ách tắc dòng chảy, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường (đối với hệ thống cống rãnh, bùn bề tự hoại khu vực công cộng: 3 tháng/lần.

- Dọc sân đường nội bộ của dự án bố trí 18 thùng đựng rác 100 l/thùng để chứa rác thải từ quá trình vệ sinh sân đường nội bộ.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

- Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường cho cán bộ quản lý và khách đến nghỉ lưu trú tại dự án.

- Thực hiện phân loại CTNH ra khỏi CTR thông thường;

- Đầu tư xây dựng khu tập kết CTNH bố trí bên cạnh khu tập kết CTR thông thường, khu tập kết có diện tích 10m²;

- Thuê đơn vị có chức năng đến thu gom định kỳ 3 tháng 1 lần thu gom chất thải nguy hại.

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, UBND huyện Vĩnh Lộc có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.